

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822002)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D	1	An	6.0	5.0	5.4	
2	2122050070	Thiên Đại Anh	11/08/2004	CCQ2205C	1	Đại Anh	6.0	6.0	6.0	
3	2122050149	Nguyễn Văn Bảo	24/10/2004	CCQ2205D	1	Bảo	8.0	6.5	7.1	
4	2122050151	Lê Quý Cầu	11/10/2004	CCQ2205C	1	Cầu	6.0	5.0	5.4	
5	2121050077	Bùi Xuân Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	1	Chiến	6.0	5.0	5.4	
6	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu Chương	29/03/2003	CCQ2105A	1	Chương	6.0	5.0	5.4	
7	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D	1	Chương	5.5	5.5	5.5	
8	2122050082	Đoàn Đông Cơ	16/03/2004	CCQ2205C	1	Cơ	5.5	6.5	6.1	
9	2122050038	Phạm Thanh Diễm	05/05/2004	CCQ2205B	1	Diễm	5.5	5.5	5.5	
10	2122050087	Lê Việt Đông	17/02/2004	CCQ2205C	1	Đông	6.5	5.5	5.9	
11	2122050127	Nguyễn Ngọc Đức	13/03/2004	CCQ2205D	1	Đức	8.5	7.5	7.9	
12	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C	1	Dũng	6.0	5.0	5.4	
13	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1	Dũng	5.5	5.5	5.5	
14	2122050128	Nguyễn Xuân Dương	01/01/2004	CCQ2205D	1	Dương	6.0	6.5	6.3	
15	2122050144	Hà Trần Ngọc Giảng	19/01/2004	CCQ2205D			0.0			
16	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	1	Hoàng	7.0	5.5	6.1	
17	2122050139	Võ Văn Hùng	23/01/2004	CCQ2205C	1	Hùng	5.5	5.5	5.5	
18	2122050077	Nguyễn Công Hưng	12/12/2004	CCQ2205C	1	Hưng	5.5	6.5	6.1	
19	2122050129	Tổng Quang Huy	09/06/2002	CCQ2205D			0.0			
20	2121050038	Nguyễn Hoàng Hy	13/07/2003	CCQ2105B	1	Hy	7.0	7.0	7.0	
21	2122050083	Nguyễn Duy Khánh	30/11/2004	CCQ2205C	1	Khánh	6.0	6.0	6.0	
22	2122050086	Trần Đăng Khoa	01/01/2004	CCQ2205C	1	Khoa	6.0	5.0	5.4	
23	2122050092	Trần Hiếu Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C			0.0			
24	2122050013	Trần Gia Lâm	26/08/2004	CCQ2205D	1	Lâm	8.3	6.5	7.2	
25	2122050071	Nguyễn Công Lập	02/09/2004	CCQ2205C	2	Lập	8.5	8.0	8.2	
26	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	1	Lưu	7.0	5.0	5.8	
27	2122170394	Lê Văn Lưu	26/07/2004	CCQ2205D	1	Lưu	7.5	5.0	6.0	
28	2122220028	Trần Huỳnh Mạnh	19/08/2004	CCQ2205D	1	Mạnh	7.5	5.0	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Hoc kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822002)
Ngày thi: 03/07/2024
Giờ thi: 9g45
Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C	1	<i>(Signature)</i>	5.5	5.0	5.2	
30	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C	1	<i>(Signature)</i>	6.5	6.0	6.2	
31	2122050106	Dương Thành Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D	1	<i>(Signature)</i>	6.0	5.0	5.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822002)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	01	Nhân	6.5	6.0	6.2	
2	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C	01	Nhật	6.5	5.0	5.6	
3	2122050097	Nguyễn Minh Khánh	26/09/2003	CCQ2205C			0.0			
4	2121050009	Nguyễn Trung Phi	18/03/2003	CCQ2105A	01	Phi	6.5	7.5	7.1	
5	2121060026	Nguyễn Xuân Phú	10/08/2003	CCQ2105A	01	Phu	6.0	6.5	6.3	
6	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D	01	Phuc	6.5	5.5	5.9	
7	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C	01	Phuc	6.0	6.5	6.3	
8	2122050089	Nguyễn Đức Quân	10/05/2004	CCQ2205C	01	Quân	6.0	7.5	6.9	
9	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	01	Quoc	7.0	6.5	6.7	
10	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C	01	Quyên	6.5	5.5	5.9	
11	2122170126	Nguyễn Thái Sơn	07/12/2004	CCQ2205D						
12	2122050130	Dương Minh Tân	22/12/2004	CCQ2205D	01	Tan	6.0	6.0	6.0	
13	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D	01	Tai	6.5	6.0	6.2	
14	2122180045	Trương Lương Nguyễn Thành	13/11/2004	CCQ2205D	01	Thanh	7.0	6.0	6.4	
15	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	01	Thien	6.0	5.5	5.7	
16	2122050124	Vô Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	01	Thinh	6.0	6.0	6.0	
17	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	01	Thuan	5.5	5.5	5.5	
18	2121050052	Lê Minh Thuận	13/02/2003	CCQ2105B			7.0			
19	2122050084	Vô Văn Minh Thuận	29/06/2004	CCQ2205C			0.0			
20	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C	01	Tien	6.5	6.0	6.2	
21	2122170537	Phan Trần Phước Tiến	29/08/2004	CCQ2205D	01	Tien	6.5	7.5	7.1	
22	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	01	Toan	7.5	5.0	6.0	
23	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C	01	Tri	6.5	7.0	6.8	
24	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C	01	Trong	6.0	5.5	5.7	
25	2122050126	Lê Thành Trung	29/10/2004	CCQ2205D	01	Trung	6.5	6.5	6.5	
26	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C	01	Trung	7.0	5.0	5.8	
27	2122050111	Vô Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D	01	Trung	6.0	6.0	6.0	
28	2122050095	Nguyễn Trung Tử	24/02/2004	CCQ2205C			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822002)
Ngày thi: 03/07/2024
Giờ thi: 9g45
Phòng thi: B106

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2
Số SV có mặt: 27
Số bài thi: 27
Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050039	Lê Văn Trường	01/04/2004	CCQ2205B	01	<i>[Signature]</i>	6.5	7,0	6,8	
30	2122050105	Nguyễn Quốc Việt	11/03/2004	CCQ2205D	01	<i>[Signature]</i>	7.0	7,0	7,0	
31	2122050123	Nguyễn Văn Vin	01/04/2003	CCQ2205D	01	<i>[Signature]</i>	7.5	7,0	7,2	
32	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D	01	<i>[Signature]</i>	7.0	7,5	7,3	